

Số: 66/2019/QĐST-HNGĐ

Chơn Thành, ngày 17 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 155/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1967

Bị đơn: Bà **Đặng Thị N**, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ nơi cư trú: ấp 5, xã M, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc Diễm H**, sinh năm 1965; Địa chỉ: tổ 5, ấp X, xã Thanh B, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973; Địa chỉ: tổ 5, ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

Ông **Đặng Văn C**, sinh năm 1969 và bà **Chu Thị Kim A**, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: khu phố 3, thị trấn C, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước

Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1960 và bà **Từ Thị L**, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: tổ 8, ấp 3B, xã Minh H, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước

Bà **Từ Thị L**, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước

Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1964; Địa chỉ: tổ 3, ấp 3B, xã Minh H, huyện Ch, tỉnh Bình Phước

Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1961; Địa chỉ: tổ 5, ấp 5, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước

Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989 và bà **Đặng Thị Y L**, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp 5, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước

Anh **Nguyễn V**, sinh năm 1991 và chị **Phạm Trần Thị Diễm H**, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp 5, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Đặng Thị N. Giấy chứng nhận kết hôn số 01/TP, quyền số 02/1988 do UBND xã Minh Hưng, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé (cũ) cấp ngày 11/4/1988 không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Do các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của ông Nguyễn Văn Q

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị N về phần chia tài sản chung, nợ chung

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với những yêu cầu khởi kiện Tòa án đã đình chỉ thì đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân ông Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009405 ngày 25/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước có trách nhiệm trả lại cho ông Q số tiền 10.350.000 đồng (Mười triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Đặng Thị N số tiền 5.375.000 đồng (năm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009487 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009511 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009501 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho bà Từ Thị L số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009507 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C và bà Từ Thị L số tiền 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009509 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho ông Đặng Văn C và bà Chu Thị Kim A số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009506 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho chị Phạm Trần Thị Diễm H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009488 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009512 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T, chị Đặng Thị Y L số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009661 ngày 27/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho anh Nguyễn V, chị Phạm Trần Thị Diễm H số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009662 ngày 27/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã Minh Hưng, H.Chơn Thành, T.Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đã ký

Võ Văn Vân